CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

THÁNG 06 NĂM 2015

Đơn vị tính: **%**

	Chỉ số giá tháng báo cáo so với				
	Kỳ gốc	Cùng tháng năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	Bình quân cùng kỳ
*** Chỉ số giá tiêu dùng chung**	**159,53**	**101,68**	**101,05**	**100,35**	**101,37**
1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	167,31	102,55	100,98	100,17	103,09
Trong đó: - Lương thực	150,20	102,67	98,97	99,54	103,87
- Thực phẩm	168,02	102,38	101,36	100,33	102,80
- Ăn uống ngoài gia đình	192,53	103,01	102,31	100,42	103,07
2. Đồ uống và thuốc lá	151,12	100,85	100,50	100,10	100,70
3. May mặc, giày dép và mũ nón	153,16	104,50	103,02	100,47	103,84
4. Nhà ở và vật liệu xây dựng	161,67	96,54	100,39	99,54	94,25
5. Thiết bị và đồ dùng gia đình	142,74	103,06	102,37	100,34	102,72
6. Thuốc và dịch vụ y tế	200,99	100,91	100,61	100,09	100,82
7. Giao thông	146,04	94,51	99,79	102,95	91,95
8. Bưu chính viễn thông	88,64	101,38	100,51	100,05	101,20
9. Giáo dục	198,41	108,75	100,35	100,16	108,55
10. Văn hoá, giải trí và du lịch	123,82	103,77	103,42	100,47	102,81
11. Hàng hóa và dịch vụ khác	164,68	102,14	101,57	100,29	102,21
*** Chỉ số giá vàng** (99,99%, kiểu nhẫn tròn 1-2 chỉ)	150,79	94,60	99,22	100,22	95,15
*** Chỉ số giá Đô la Mỹ** (loại tờ 50, 100 USD)	123,61	103,20	102,24	100,72	102,23